

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	7,1m2/người học (51.604/7.300)	7,2m2/người học (46.304/6.416)
2	Diện tích sàn/người học (m2)	4,24m2/người học (30.892/7.300)	4,59m2/người học (29.438/6.416)
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	72%	70%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	230 đầu sách/ngành đào tạo	220 đầu sách/ngành đào tạo
5	Số bản sách/người học	5 bản sách/người học	4 bản sách/người học
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	30%	28%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	406,7Mbps/1.000hv	483Mbps/1.000hv

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Ghi chú
I	Diện tích đất phục vụ đào tạo				
1	Trụ sở chính	79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội	1,000	4,850	
2	Cơ sở 2	Nhà D2-144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	4,318	1,624	Bao gồm cả diện tích sân và các nhà xe dùng chung
		Sân tập thể dục thể thao ĐHNN	6,400		
		Nhà tập đa năng ĐHNN		3,200	
		Nhà E5		868	
3	Cơ sở 3	Số 1 Trịnh Văn Bô kéo dài, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4,000	4,000	
4	Cơ sở 4	Tòa nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc	3,086	8,770	
		Khoa Quốc tế Pháp Ngữ (Hòa Lạc)	5,300	80	
		Khu học An ninh quốc phòng ở Hòa Lạc	20,000		
		Thư viện dùng chung tại các cơ sở của ĐHQGHN	7,500	7,500	
Tổng cộng			51,604	30,892	

3. Các hạng mục Cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm (đang xin cấp phép)

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới các tòa nhà của Trường Quốc tế (đang xin thủ tục cấp phép) diện tích 9,2ha	Hòa Lạc	260.000
2	Nâng cấp tòa nhà...		
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
Tổng cộng			260.000

Ghi chú:

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung thông tin theo yêu cầu.

² Trường cao đẳng có đào tạo ngành GDMN trình độ cao đẳng thực hiện báo cáo này đối với các nội dung có liên quan.

³ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

⁴ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁵ Ghi cụ thể năm báo cáo (2025, 2026...)

⁶ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (2024, 2025...)

⁷ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

⁸ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹⁰ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹¹ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Viện đổi mới sáng tạo UPM
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn xếp hạng đối sánh UPM
- Mức độ đạt kiểm định: 5 sao
- Thời gian hiệu lực: từ 16/4/2024 đến 16/04/2027

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐH QG HCM	7/10/2019-7/10/2024
2	7340303	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐH QG	1/10/2022-30/9/2027